

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương;

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải;

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng, bà Trần Thị Hải Yến và ông Phạm Đức Đông;

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thanh và bà Đỗ Thị Thanh Huyền -
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 1996 tại Hà Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Công ty TNHH J; trình độ học vấn: 12/12; Đảng, Đoàn: Không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Lan P, sinh năm 1972; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 04/01/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam (có mặt).

2. Vũ Văn M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên công nhân Công ty TNHH J; trình độ văn hóa: 10/12; Đảng, Đoàn: Không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Vũ Văn S (Đã chết) và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1957; có vợ là Vũ Thị C, sinh năm 1996 và có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/6/2011, Công an thành phố Phủ Lý xử phạt vi phạm hành chính

số tiền 500.000 đồng về hành vi đánh nhau; bị bắt tạm giữ từ ngày 26/12/2020 đến ngày 04/01/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam (có mặt).

* *Bị hại*: Công ty TNHH J. Đại diện theo pháp luật: Ông Sohn Jeong H - giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Văn Chuyên và ông Nguyễn Đình Thi - Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Nam thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. NLQ1, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu Công nghiệp S, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Người phiên dịch: Bà Nguyễn Tân L; nơi cư trú: Thôn N, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

2. NLQ2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm 2, xã S, huyện B, tỉnh Hà Nam (có mặt).

3. NLQ3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

4. NLQ4, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 29 tổ 6, phường T, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

5. NLQ5, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam (có mặt).

6. NLQ6, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

7. NLQ7, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 7, phường T, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

8. NLQ8, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

9. NLQ9, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

10. NLQ10, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

11. NLQ11, sinh năm 1957; nơi cư trú: Phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

12. NLQ12, sinh năm 1990; nơi cư trú: số 51B, đường N, phường V, thị xã T, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

13. NLQ13, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam (có mặt).

14. NLQ14, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thị trấn Q, huyện L, tỉnh Hưng Yên (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

15 NLQ15, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thị trấn Q, huyện L, tỉnh Hưng Yên (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

(1) NLC1; (2) NLC2; (3) NLC3; (4) NLC4; (5) NLC5; (6) NLC6; (7) NLC7; (8) NLC8; (9) NLC9; (10) NLC10; (11) NLC11; (12) NLC12; (13) NLC13; (14) NLC14; (15) NLC15; (16) NLC16; (17) NLC17; (18) NLC18; (19) NLC19; (20) NLC20; (21) NLC121; (22) NLC22; (23) NLC23; (24) NLC24; (25) NLC25; (đều vắng mặt); 26. NLC26 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Công ty TNHH J (Công ty JY) có địa chỉ tại khu công nghiệp S thuộc phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700724463 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/8/2014; đăng ký lần đầu ngày 12/8/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/12/2018; ngành nghề kinh doanh chủ yếu là sản xuất và gia công đồ chơi trẻ em; Giám đốc là ông Sohn Jeong H - sinh năm 1972, quốc tịch Hàn Quốc, trú tại phường S, thành phố L, tỉnh Hà Nam. Ngày 01/8/2020, Công ty JY ký Hợp đồng lao động với Nguyễn Thị Khánh L và ngày 19/10/2019 ký Hợp đồng lao động với Vũ Văn M. Theo đó, công việc của L là nhân viên bộ phận sản xuất (Production), khi các đơn hàng của Công ty JY không đáp ứng được tiến độ thì Nguyễn Thị Khánh L sẽ nhập thông tin nguyên liệu cần xuất vào phần mềm quản lý xuất nhập nguyên liệu (ERP). Sau đó, L in Phiếu đề xuất trình Giám đốc sản xuất, Chủ quản bộ phận sản xuất ký duyệt rồi chuyển đến bộ phận kho để xin chữ ký của Chủ quản bộ phận kho. Trên cơ sở Phiếu đề xuất trên, bộ phận kho sẽ xuất hàng theo số lượng trên Phiếu đề xuất cho những Công ty thực hiện việc gia công cho kịp tiến độ của đơn hàng; còn Vũ Văn M là công nhân bộ phận vật tư (Material), làm lái xe nâng chuyên chở hàng hóa nhập, xuất ra vào kho của Công ty JY.

Quá trình làm việc, Nguyễn Thị Khánh L phát hiện hệ thống quản lý sản xuất của Công ty JY có sơ hở, có thể copy, chỉnh sửa được Phiếu đề xuất trên phần mềm quản lý xuất nhập nguyên liệu (ERP) của Công ty nên đã bàn bạc, thống nhất với Vũ Văn M, dùng thủ đoạn gian dối để lấy hạt nhựa của Công ty mang ra ngoài bán và được Vũ Văn M đồng ý, cụ thể: Nguyễn Thị Khánh L trực tiếp copy các đề xuất trên hệ thống, chỉnh sửa số liệu rồi trình NLQ1 - giám đốc phụ trách bộ phận sản xuất; NLQ2 và chị NLQ3 - trưởng bộ phận sản xuất; NLQ4 - chủ quản bộ phận kho để ký vào các phiếu xuất hàng. Sau đó, Nguyễn Thị Khánh L chuyển các Phiếu xuất hàng cho bộ phận kho để Vũ Văn M giao hàng, hướng dẫn người mua hàng ký tên vào phần người nhận hàng trên phiếu xuất hàng giống với tên nhân viên của Công ty gia công rồi xuất hàng hóa. Đồng thời, Nguyễn Thị Khánh L trực tiếp liên hệ bán hạt nhựa cho vợ chồng NLQ15 và NLQ14 với lý do công ty gia công thừa thanh lý, có giấy tờ đầy đủ. Do trước đó, vợ chồng NLQ15 đã mua móc áo, túi xách và hàng phế liệu của Nguyễn Thị Khánh L nên vợ chồng NLQ15 đồng ý, đồng thời thỏa thuận giá hạt nhựa ABS là từ 21.000 đồng đến 23.000 đồng; hạt nhựa PP từ 14.000 đồng đến 18.000 đồng. Sau khi được Nguyễn Thị Khánh L thông báo có hàng thanh lý thì NLQ14 đã thuê xe ô tô và trực tiếp đi cùng với lái xe đến Công ty JY để lấy hàng. Khi đến Công ty JY, NLQ14 và các lái xe đều ghi lại thông tin của lái xe ở phòng Bảo vệ Công ty JY; khi lấy hạt nhựa, NLQ14 đều được Vũ Văn M hướng dẫn ký tên trên các phiếu xuất giao hàng. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2020, L đã trực tiếp copy đề xuất nguyên liệu trên hệ thống ERP (nếu hệ thống ERP không bị lỗi thì không thể copy được) của Công ty JY. Sau đó chỉnh sửa số liệu trên đề xuất nguyên liệu và trình NLQ1; NLQ3 hoặc NLQ2, NLQ4 ký duyệt và L còn giả mạo chữ ký của chị NLQ3 để lập không 60 phiếu xuất hàng, gồm các loại hạt nhựa: ABS PA757: 131834kg, ABS 920T: 11232kg, ABS EX 75: 6842kg, PP 3015: 60264kg, PP 5090T: 8051kg, TPR75: 1000kg, PP BK 1115: 5870kg, PP K8009: 4000kg, POM TX 910: 1000kg, LPDE - G812: 1604kg, PP 7032: 1000kg, PVC NP/F80: 5250kg, PVC NP/F70: 1450kg, POM - FU2015: 2000kg, POE 8440L: 30kg rồi chuyển xuống bộ phận kho để Vũ Văn M giao cho NLQ14. Sau khi nhận hàng, NLQ14 thông báo cho NLQ15 để chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị Khánh L. Số tiền bán được hạt nhựa, L chuyển khoản cho M 1.188.050.000 đồng và đưa tiền mặt là 70.000.000đ. Ngày 23/12/2020, ông John Jeong H là đại diện Công ty TNHH JY đã có đơn trình báo sự việc công ty bị mất hạt nhựa.

Ngày 28/12/2020, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở, nơi làm việc của Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M. Quá trình khám xét thu giữ tại nơi làm việc của Nguyễn Thị Khánh L: 01 cây máy tính vỏ màu đen; 01 cây màn hình.

Quá trình điều tra đã thu giữ những vật chứng gồm:

- Thu giữ của Vũ Văn M: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno 2F màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A20; 03 sim điện thoại; 01 thẻ nhớ microSD nhãn hiệu Samsung dung lượng 2GB; 01 Căn cước công dân mang tên Vũ Văn M; 01 thẻ Viettel Pay mang tên VU VAN M; 01 thẻ ATM mang tên VU VAN MINH của Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MBBANK; 01 cây máy vi tính màu đen và số tiền 780.000.000 đồng.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Khánh L: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max; 01 sim Viettel và số tiền 500.000.000 đồng.

- Thu giữ của NLQ14: 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax; 01 điện thoại di động Iphone màu hồng tình trạng không mở nguồn được, bên trong có 01 sim điện thoại; 06 Phiếu xuất hàng của Công ty JY vào các ngày 14/12/2020, 01/12/2020, 21/11/2020, 30/11/2020, 07/12/2020, 09/12/2020.

Ngày 29/12/2020, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam có quyết định trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định các chữ ký trên phiếu đề xuất, phiếu xuất hàng của Công ty TNHH J ngày 21/11/2020 cho Công ty ESV và chữ ký của những người ký tên trên phiếu gồm: Nguyễn Thị Khánh L, NLQ3, NLQ4, NLQ7, NLQ14.

Tại bản Kết luận giám định số 39/PC09-TL ngày 03/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“- Chữ ký của Nguyễn Thị Khánh L so với chữ ký tại mục Requested by (người đề xuất) trên phiếu đề xuất (Material Out Request) là cùng một người ký ra.

- Chữ ký của NLQ3 so với chữ ký tại mục Chief of dept (Trưởng bộ phận sản xuất) trên phiếu đề xuất (Material Out Request) không phải cùng một người ký ra.

- Chữ ký của NLQ4 so với chữ ký tại mục “Người phê duyệt” trên phiếu xuất hàng và tại mục Mt'l Manager (Trưởng bộ phận vật tư) trên phiếu đề xuất (Material Out Request) là cùng một người ký ra.

- Chữ ký của NLQ7 so với chữ ký mục người giao hàng trên phiếu xuất hàng ký hiệu A1, A3 là cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên NLQ7 dưới mục người giao hàng ký hiệu A2 so với chữ ký của NLQ7 có phải do một người ký ra hay không.

Chữ ký “Thịnh” của NLQ14 so với chữ ký “Thịnh” phiếu xuất hàng là cùng một người ký ra”.

Ngày 29/12/2020, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam có yêu cầu, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam, định giá 4.925 kg hạt nhựa nguyên sinh tại thời điểm tháng 11/2020.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam kết luận: 4.925 kg hạt nhựa nguyên sinh có mã hạt nhựa là PP3015 vào thời điểm tháng 11/2020 có giá trị bằng 131.970.300 đồng.

Ngày 07/6/2021, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam có quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký các lái xe và chữ ký của NLQ14 ký tên các lái xe với chữ ký của các lái xe tại bảng đăng ký xuất hàng (xe tải) do công ty J cung cấp.

Tại Bản kết luận giám định số 17/PC09-TL ngày 08/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Có 21 chữ ký của 12 lái xe tại mẫu cần giám định so với chữ ký của các lái xe tại Bảng đăng ký xuất hàng (xe tải) do Công ty TNHH J cung cấp là do cùng một người ký ra, trong đó: 03 chữ ký của NLC3 (tại các mẫu A11, A18 và A50), 12 chữ ký của NLC10 (tại các mẫu A23, từ A25 đến A28, từ A31 đến A35, A52, A53); 02 chữ ký của NLC12 (tại các mẫu A41, A42); 02 chữ ký của NLC2 (tại các mẫu A58, A62) và 01 chữ ký của NLC8 (tại mẫu A62), NLC13 (tại mẫu A57), NLC17 (tại mẫu A54), NLC16 (tại mẫu A63), NLC9 (tại mẫu A65).

Ngày 17/6/2021, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam ra quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký trên phiếu đề xuất, phiếu xuất hàng của công ty TNHH J cung cấp so sánh với chữ ký của những người ký tên trên phiếu gồm: Nguyễn Thị Khánh L, NLQ3, NLQ4, NLQ7, NLQ14.

Tại Bản kết luận giám định số 22/PC09-TL ngày 18/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“1. Chữ ký chữ “Thịnh” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A6, từ A13 đến A16, A18, A19, A20, A22, A23, A24 so với chữ ký “Thịnh” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 là do cùng một

người ký ra. Chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6, A14, A16, A18, A19, A20, A22, A23, A24 là chữ ký trực tiếp, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A5, A13, A15 là chữ ký trực tiếp được ký qua giấy than.

2. Chữ ký “Thịnh” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A7 đến A11 so với chữ ký “Thịnh” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A7 đến A11 là chữ ký trực tiếp được ký qua giấy than.

3. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Thịnh” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A12, A17, A21 so với chữ ký “Thịnh” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

4. Chữ ký “Đức” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A26, A27, A28, A30, A31, A32, A42 so với chữ ký “Đức” trên tài liệu mẫu ký hiệu M2, M3 và M4 là do cùng một người ký ra. Chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A28, A30, A32 là chữ ký trực tiếp, chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A26, A27, A31, A42 là chữ ký trực tiếp được ký qua giấy than.

5. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Đức” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A25, A29, từ A33 đến A41, từ A43 đến A47 so với chữ ký “Đức” trên tài liệu mẫu ký hiệu M2, M3 và M4 có phải do cùng một người ký ra hay không.

6. Chữ ký “Hải” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A48, A49, A50, A52 so với chữ ký “Hải” trên tài liệu mẫu ký hiệu M5 và M6 là do cùng một người ký ra. Chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A48, A49, A50, A52 là chữ ký trực tiếp được ký qua giấy than.

7. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Hải” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A51, từ A53 đến A68 so với chữ ký “Hải” trên tài liệu mẫu giám định ký hiệu M5 và M6 có phải do cùng một người ký ra hay không.

8. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Tập” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A70, A71 so với chữ ký “Tập” trên tài liệu mẫu ký hiệu M7 có phải do cùng một người ký ra hay không.

9. Chữ ký “Hùng” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A73 so với chữ ký “Hùng” trên tài liệu mẫu ký hiệu M8 là do cùng một người ký ra. Chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A73 là chữ ký trực tiếp.

10. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Hùng” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A72 so với chữ ký “Hùng” trên tài liệu mẫu ký hiệu M8 có phải do cùng một người ký ra hay không.

11. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký “Hạnh” dưới mục “Người Nhận Hàng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A74 so với chữ ký “Hạnh” trên tài liệu mẫu ký hiệu M9 có phải do cùng một người ký ra hay không.

12. Chữ ký dưới mục “Requested by” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A75 đến A99, A101, A102, A103, A104 và từ A109 đến A116 so với chữ ký của Nguyễn Thị Khánh L trên tài liệu mẫu ký hiệu M10 là do cùng một người ký ra.

13. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký dưới mục “Requested by” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A105, A106, từ A117 đến A122 so với chữ ký của Nguyễn Thị Khánh L trên tài liệu mẫu ký hiệu M10 có phải do cùng một người ký ra hay không.

14. Chữ ký dưới mục “Requested by” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A100, A107, 108, A123, A124, A125 khác dạng so với chữ ký của Nguyễn Thị Khánh L trên tài liệu mẫu ký hiệu M10 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

15. Chữ ký dưới mục “Mt’l Manager” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A75 đến A89, từ A93 đến A99, từ A101 đến A112, A114, A115, A116 và A117 so với chữ ký của NLQ4 trên tài liệu mẫu ký hiệu M11 là do cùng một người ký ra.

16. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký dưới mục “Mt’l Manager” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A100, A113 so với chữ ký của NLQ4 trên tài liệu mẫu ký hiệu M11 có phải do cùng một người ký ra hay không.

17. Chữ ký dưới mục “Mt’l Manager” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A118 đến A123, A125 khác dạng so với chữ ký của NLQ4 trên tài liệu mẫu ký hiệu M11 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

18. Chữ ký dưới mục “Chief of dept” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A88, từ A98 đến A113 so với chữ ký của NLQ3 trên tài liệu mẫu ký hiệu M12 là do cùng một người ký ra.

19. Chữ ký dưới mục “Chief of dept” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A75, A76, A78, từ A82 đến A87, từ A89 đến A97 so với chữ ký của NLQ3 trên tài liệu mẫu ký hiệu A12 không phải do cùng một người ký ra.

20. Chữ ký dưới mục “Chief of dept” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A114 đến A125 khác dạng so với chữ ký của NLQ3 trên tài liệu mẫu ký hiệu A12 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra.

21. Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký dưới mục “Chief of dept” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A114, A115, A116, A117, A124 so với chữ ký của NLQ2 trên tài liệu mẫu ký hiệu M13 có phải do cùng một người ký ra hay không.

22. Chữ ký dưới mục “Chief of dept” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A75, A76, A78, từ A82 đến 87, từ A89 đến A97, từ A118 đến A123, A125 khác dạng so với chữ ký của NLQ2 trên tài liệu mẫu ký hiệu M13 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

23. Chữ ký dưới mục “Chief of dept” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A75, A76, A78, từ A82 đến A87, từ 89 đến 97, từ 114 đến A125 khác dạng so với chữ ký của NLQ1 trên tài liệu mẫu ký hiệu A14 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

24. Chữ viết dưới mục “Bộ phận”, “Tên Hàng Hóa”, “Quy Cách”, “Số Lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2, từ A4 đến A7, từ A10 đến A14, A16, A18, A19, từ A22 đến A28, A34, A42, A48, A52, A60, A64, A68, A69, A70, A73, A74 so với chữ viết của Nguyễn Thị Khánh L trên tài liệu mẫu ký hiệu M15 và M16 là do cùng một người viết ra.

25. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết dưới mục “Bộ phận”, “Tên Hàng Hóa”, “Quy Cách”, “Số Lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A8, A9, A15, A17, A20, A21, từ A29 đến A33, từ A35 đến A41, từ A43 đến A47, từ A49 đến A51, từ A53 đến A59, A61, A62, A63, A65, A66, A67, A71, A72 so với chữ viết của Nguyễn Thị Khánh L trên tài liệu mẫu ký hiệu M15 và M16 có phải do cùng một người viết ra không.

26. Chữ viết dưới mục “Bộ phận”, “Tên Hàng Hóa”, “Quy Cách”, “Số Lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A8, A9, A20, A21, từ A29 đến A33, từ A35 đến A40, từ A43 đến A47, A49, từ A53 đến A58, A61, A63, A65, A66, A67, A72 so với chữ viết của Vũ Văn M trên tài liệu mẫu ký hiệu M17 và M18 là do cùng một người viết ra.

27. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết dưới mục “Bộ phận”, “Tên Hàng Hóa”, “Quy Cách”, “Số Lượng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A15, A17, A41, A50, A51, A59, A62, A71 so với chữ viết của Vũ Văn M trên tài liệu mẫu ký hiệu M17 và M18 có phải do cùng một người viết ra không.”

Ngày 21/7/2021, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam có yêu cầu, đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam định giá

các loại hạt nhựa có mã ABS PA757: 147.657kg , ABS 920T: 12.015kg, ABS EX 75: 6.842kg, PP 3015: 59.982kg, PP 5090T: 8.051kg, TPR75: 1.000kg, PP BK 1115: 5.870kg, PP K8009: 5.000kg, POM TX 910: 1.000kg, LPDE - G812: 1.604kg, PP 7032: 1.000kg, PVC NP/F80: 5.250kg, PVC NP/F70: 2.450kg, POM - FU2015: 2.000kg, POE 8440L: 30kg, PVC NP/F90: 125kg bằng bao nhiêu tiền Việt Nam đồng. Tại bản Kết luận định giá số 06/KL-HĐĐGTS ngày 30/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam có kết luận toàn bộ số lượng hạt nhựa trên có giá trị bằng 9.200.605.491 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Công ty JY chỉ xác định tổng số hạt nhựa của Công ty bị Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M chiếm đoạt trị giá 8.520.462.660 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH JY yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M liên đới bồi thường tổng trị giá hạt nhựa được quy đổi thành tiền là 8.520.462.660 đồng.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M cùng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo L từ 15 năm đến 15 năm 06 tháng tù; bị cáo M từ 14 năm đến 14 năm 06 tháng tù. Các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, đề nghị áp dụng Điều 35; khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bị cáo L từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ triệu đồng; bị cáo M từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ. Đề nghị áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thị Khánh L và Vũ Văn M có trách nhiệm trả lại Công ty TNHH J số tiền 8.520.462.660đ. Trong đó Nguyễn Thị Khánh L phải bồi thường là: 7.262.412.000đ, được đối trừ số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường là 541.357.005đ, còn phải bồi thường tiếp số tiền là 6.721.055.661đ; Vũ Văn M phải bồi thường là: 1.258.050.000 được đối trừ số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường là 780.000.000đ còn phải bồi thường tiếp là 478.050.000đ. Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M thành khẩn khai báo; nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Nhất trí đề nghị của Kiểm sát viên. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: Do các bị cáo đều là những người lao động thuần túy, có nhân thân tốt, có ý thức trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với xã hội, tiếp tục lao động để bồi thường tiếp số tiền còn lại cho công ty. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo, các đương sự được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các đương sự trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M khai nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận giám định; kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH J nên Nguyễn Thị Khánh L và Vũ Văn M đã bàn bạc, thống nhất, lợi dụng sơ hở, thiếu sót trong việc quản lý xuất nguyên liệu cho các đơn vị gia công để chiếm đoạt tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2021, Nguyễn Thị Khánh L đã sử dụng thủ đoạn gian dối sao chép đề xuất nguyên liệu trên hệ thống phần mềm ERP, chỉnh sửa số liệu rồi trình NLQ1 hoặc NLQ3, NLQ2, NLQ4 ký và còn trực tiếp giả mạo một số chữ ký của NLQ3 trên tổng số 60 phiếu xuất hàng, sau đó đưa cho Vũ Văn M xuất

tổng các loại hạt nhựa gồm: ABS PA 757: 131.834kg, ABS 920T: 11232kg, ABSEX 75: 6842kg, PP 3015: 60.264kg, PP5090T: 8.051kg, TPR 75:1000kg, PP BK 1115: 5.879kg, PP K8009: 4000KG, POM TX910: 1000KG,LPDE-G812:1604KG, PP7032: 1000KG, PVC NP/F80:5250KG,PVC NP/F70:1450KG, POM – FU2015:2000KG, POE 8440L:30KG bán cho NLQ14 và NLQ15 để chiếm hưởng. Tổng số hạt nhựa Nguyễn Thị Khánh L và Vũ Văn M đã chiếm đoạt của Công ty TNHH J có giá trị là 8.520.462.660 đồng. Sau khi bán được hạt nhựa, Nguyễn Thị Khánh L đã chuyển khoản cho Vũ Văn M 1.188.050.000đ và 70.000.000đ tiền mặt, còn lại Nguyễn Thị Khánh L chiếm hưởng chi tiêu cá nhân. Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 14 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, với số tiền là đặc biệt lớn, gây dư luận bất bình trong xã hội nhất là trong giai đoạn hiện nay, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn. Cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo trước pháp luật, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy: Trong vụ án này, Nguyễn Thị Khánh L là người trực tiếp sao chép, chỉnh sửa số liệu trên các phiếu xuất hàng, giả mạo chữ ký và trực tiếp trao đổi, bán hạt nhựa cho vợ chồng NLQ14 và NLQ15 nên giữ vai trò chính trong vụ án. Vũ Văn M là người trực tiếp xuất kho toàn bộ số hạt nhựa nêu trên nên đồng phạm là người thực hành. Sau khi tội phạm bị phát hiện, các bị cáo đã đến Công an tỉnh Hà Nam đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần thiệt hại đã gây ra; đại diện theo ủy quyền của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; đối với bị cáo Nguyễn Thị Khánh L còn có ông, bà ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân Chương kháng chiến nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo; thấy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi

phạm tội bị cáo gây ra, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty TNHH J yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường tổng trị giá hạt nhựa được quy đổi thành tiền là 8.520.462.660 đồng. Xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ nên được chấp nhận. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần; trong đó Nguyễn Thị Khánh L phải bồi thường 7.262.412.660đ được trừ số tiền tự nguyện giao nộp 500.000.000 đồng và số tiền 41.357.005đ trong tài khoản số 0901000051047 tại Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam là số tiền bị cáo bán nhựa mà có thì bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 6.721.055.661đ. Đối với Vũ Văn M đã chiếm hưởng là 1.188.050.000đ (do Nguyễn Thị Khánh L chuyển khoản) + 70.000.000đ (nhận tiền mặt của Nguyễn Thị Khánh L) = 1.258.050.000đ; được trừ số tiền đã giao nộp 780.000.000đ thì Vũ Văn M còn phải bồi thường tiếp là 478.050.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra là điện thoại của hai bị cáo và 01 cây máy tính thu giữ của Vũ Văn M liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trả lại NLQ14 02 điện thoại. Trả lại Công ty TNHH J cây máy tính, 01 màn hình máy tính thu giữ tại nơi làm việc của bị cáo Nguyễn Thị Khánh L. Trả lại bị cáo Vũ Văn M 01 (một) CCCD; 01 (một) thẻ Viettel Pay; 01 (một) thẻ ATM của Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MBBANK; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A20; 01 (một) thẻ nhớ microSD vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Các giấy tờ khác không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định pháp luật.

[8] Các vấn đề khác của vụ án: Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 là những người ký trên phiếu đề xuất. Tuy nhiên, phía công ty không cung cấp được quy định cụ thể việc xuất nguyên liệu cho các đơn vị gia công và không có văn bản giao trách nhiệm công việc cho từng cá nhân. Mặt khác, công ty còn tổ chức họp và đánh giá những người trên hoàn thành tốt công việc được giao. Do vậy, cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6 là phù hợp. Đối với NLQ14 và NLQ15 mua hạt nhựa của Nguyễn Thị Khánh L và Vũ Văn M hoàn toàn công khai, có giấy tờ và không biết việc Nguyễn Thị Khánh L và Vũ Văn M chiếm đoạt nhựa nguyên sinh của Công ty TNHH J. Do vậy, cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm đối với NLQ14 và NLQ15. Ngoài ra còn số lượng nhựa mà công ty cung cấp bị thất thoát gồm: ABS757-

9903kg; ABS920T-783kg; PP3015-4643kg; PPK8009-1000kg; PVC/N70-1000kg; PVC/N90-125kg trên 12 phiếu xuất kho chưa có đủ căn cứ xác định các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M chiếm đoạt, nên yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; Điều 17 Điều 35, Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Khánh L 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2020.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn M 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ từ ngày 26/12/2020.

3. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Khánh L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; bị cáo Vũ Văn M 10.000.000 (mười triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

4. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Khánh L và Vũ Văn M phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH J số tiền bị thiệt hại là 8.520.462.660 đồng (Tám tỷ, năm trăm hai mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng): Trong đó bị cáo Nguyễn Thị Khánh L phải bồi thường cho Công ty TNHH J 7.262.412.660 đồng, được đối trừ số tiền bị cáo đã nộp 500.000.000đ theo ủy nhiệm chi số 49 ngày 27/01/2022 giữa Công an tỉnh và Văn phòng Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam và 41.357.005đ trong tài khoản số 0901000051047 tại Ngân hàng cổ phần Ngoại thương Việt Nam, thì bị cáo Nguyễn Thị Khánh L còn phải bồi thường tiếp số tiền 6.721.055.661đ (sáu tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng). Bị cáo Vũ Văn M phải trả cho Công ty TNHH J 1.258.050.000 đồng, được đối trừ số tiền đã nộp 780.000.000 theo ủy nhiệm chi số 49 ngày 27/01/2022 giữa Công an tỉnh và Văn phòng Cục thi hành án dân sự

tỉnh Hà Nam, thì bị cáo Vũ Văn M phải bồi thường tiếp số tiền 478.050.000đ (bốn trăm bảy mươi tám triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy Iphone 12 Pro Max, thu của Nguyễn Thị Khánh L.

+ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Oppo Reno 2F màu trắng, sso Imei 1: 863851049600176, số Imei 2: 863851049600618; 01 cây máy tính màu đen; đã qua sử dụng thu của Vũ Văn M.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim Vinaphone số seri: 89840200010929614410; 02 (hai) sim Viettel có số seri: 8984048000317810896, 898408000080384644.

- Trả lại cho NLQ14: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax, số Imei: 356728117194627, dung lượng 256GB; 01 (một) điện thoại di động Iphone màu hồng đã qua sử dụng kiểu máy: A1688, ID: BCGE2946A, IC: 579CE2946A.

- Trả lại cho công ty TNHH J: 01 (Một) cây máy tính màu đen; 01 (một) màn hình máy tính nhãn hiệu LG, có số seri: 705INXJ1B682, model: 19M38A.

- Trả lại cho Vũ Văn M 01 (một) CCCD số: 035093000502 mang tên Vũ Văn M; 01 (một) thẻ Viettel Pay mang tên Vũ Văn M; 01 (một) thẻ ATM mang tên Vũ Văn Minh của Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MBBANK; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, số kiểu máy: SM-A205F/OS, số Imei 1: 358587107597159, số Imei 2: 358588107597157, 01 (một) thẻ nhớ microSD nhãn hiệu Samsung dung lượng 2GB đã qua sử dụng. Nhưng cần giữ lại 01 (một) thẻ Viettel Pay mang tên Vũ Văn M; 01 (một) thẻ ATM mang tên Vũ Văn M của Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội MBBANK; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, số kiểu máy: SM-A205F/OS, số Imei 1: 358587107597159, số Imei 2: 358588107597157, 01 (một) thẻ nhớ microSD nhãn hiệu Samsung dung lượng 2GB đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam).

7. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Khánh L, Vũ Văn M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Khánh L phải chịu 115.262.412 đồng; bị cáo Vũ Văn M phải chịu 49.741.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải hoàn trả nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, có quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo; bị hại; các đương sự;
- UBND phường Châu Sơn;
- UBND phường Châu Sơn;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương